

Số: 02 /TTr-BTTTT

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2023

TỜ TRÌNH
Về dự án Luật Viễn thông (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện Nghị quyết số 50/2022/QH15 ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022;

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, Bộ Thông tin và Truyền thông trình Chính phủ hồ sơ dự án Luật Viễn thông (sửa đổi) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Đánh giá thực tiễn thi hành Luật Viễn thông năm 2009

Luật Viễn thông được Quốc hội khóa XII thông qua tại kỳ họp thứ 6 ngày 23/11/2009 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2010, có ý nghĩa quan trọng đối với tiến trình phát triển, hội nhập của nền kinh tế nói chung và ngành viễn thông nói riêng, đánh dấu bước phát triển mới của pháp luật về viễn thông ở nước ta, đặc biệt là trước xu thế toàn cầu hóa. Sau hơn 10 năm áp dụng, Luật Viễn thông và các văn bản hướng dẫn thi hành Việt Nam đã tạo ra hành lang pháp lý để thúc đẩy cạnh tranh, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp mới tham gia thị trường. Mạng lưới cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông hiện đại, chất lượng dịch vụ viễn thông được hoàn thiện và nâng cao, phát triển thị trường viễn thông với đa dạng các dịch vụ, đáp ứng nhu cầu của người sử dụng và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong hội nhập kinh tế quốc tế, góp phần đảm bảo an ninh và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, Luật Viễn thông đã bộc lộ một số điểm không còn phù hợp cần được điều chỉnh để giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong công tác thực thi cũng như đáp ứng xu thế phát triển mới:

- Xu hướng hội tụ giữa viễn thông, phát thanh truyền hình, công nghệ thông

tin và tự động hóa đặt ra những yêu cầu mới đối với lĩnh vực viễn thông. Công nghệ phát triển đã tạo ra các loại hình dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới thúc đẩy việc hình thành cơ sở hạ tầng viễn thông mới kết hợp với các hạ tầng kỹ thuật khác phục vụ nhu cầu phát triển của xã hội, của nền kinh tế. Lĩnh vực viễn thông mở rộng thêm các thành phần hạ tầng và dịch vụ mới nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển là hạ tầng phục vụ kinh tế số, xã hội số; các dịch vụ viễn thông truyền thống cũng cần thay đổi cách quản lý cho phù hợp để đảm bảo các dịch vụ kết nối, đảm bảo chất lượng dịch vụ phục vụ hoạt động của các ngành, lĩnh vực trên không gian mạng;

- Các quy định về quản lý và điều tiết thị trường hiện nay đã thể hiện một số bất cập như chưa có chính sách phát triển các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng để tránh đầu tư lặp lại cơ sở hạ tầng viễn thông, nâng cao hiệu quả đầu tư hạ tầng và thúc đẩy sự sáng tạo cung cấp các dịch vụ mới trên không gian mạng; Chưa có quy định cụ thể về nghĩa vụ của các doanh nghiệp viễn thông có hạ tầng mạng trong việc cho thuê hạ tầng, bán buôn lưu lượng để khai thác hiệu quả đầu tư hạ tầng;

- Việc cấp giấy phép cho các doanh nghiệp hiện nay chỉ có một hình thức cấp phép và quy trình, thủ tục giống nhau cho các loại giấy phép, chưa phân loại theo tính chất của mạng, dịch vụ viễn thông, tài nguyên viễn thông, chưa phù hợp với quy mô, đối tượng cung cấp dịch vụ cũng như loại giấy phép viễn thông; Điều kiện cấp phép là vốn pháp định và mức cam kết đầu tư hiện nay không còn phù hợp;

- Xu thế phát triển dịch vụ vệ tinh chùng với các dịch vụ xuyên biên giới mang tính chất thu thập dữ liệu, như hình ảnh, truy cập băng rộng tốc độ cao nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng, mất an toàn mạng lưới, an ninh thông tin, ảnh hưởng đến bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền lợi của người sử dụng, đồng thời cạnh tranh trực tiếp với thị trường dịch vụ băng rộng cố định và di động mặt đất trong nước, đòi hỏi phải cụ thể hóa các cam kết quốc tế, các điều kiện, thủ tục, quy trình quản lý thị trường dịch vụ vệ tinh phù hợp;

- Từ năm 2010 đến nay, Việt Nam tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do song phương giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA)..., với những cam kết mới và cao hơn so với các cam kết của Việt Nam khi gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Trong khi đó, Luật Viễn thông 2009 đã được ban hành 12 năm, trong bối cảnh ngành viễn thông có những bước phát triển mạnh mẽ và Việt

Nam phải thực thi nhiều cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên như WTO, CPTPP, EVFTA... , yêu cầu đặt ra là cần nội luật hóa các cam kết và xem xét bổ sung, hoàn thiện một số quy định để thực thi các cam kết đã có trong tình hình phải bảo đảm an toàn, an ninh trên không gian mạng, bảo đảm chủ quyền quốc gia.

- Môi trường pháp luật chung có nhiều thay đổi, từ sau năm 2010 Việt Nam tiếp tục hoàn thiện thể chế, như: Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Cạnh tranh, Luật Quy hoạch, Luật Quản lý và sử dụng tài sản công, Luật đấu giá... đã được ban hành và sửa đổi, bổ sung có các nội dung liên quan đến lĩnh vực viễn thông cần được xem xét, điều chỉnh để bảo đảm tính đồng bộ, tính thống nhất của hệ thống luật pháp.

2. Cơ sở lý luận chính trị

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng: *“Chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số”*;

- Nghị quyết 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: *“Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân có đủ năng lực tham gia xây dựng hạ tầng viễn thông và các hạ tầng khác cho chuyển đổi số quốc gia...”*;

- Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII: *“Xây dựng và triển khai chiến lược phát triển hạ tầng thông tin, hạ tầng số, quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông cho giai đoạn tới theo định hướng hạ tầng số là thiết yếu, bảo đảm an toàn thông tin mạng là then chốt, ưu tiên đầu tư phát triển nhanh, đi trước một bước”*.

Trên cơ sở đánh giá chi tiết, Quốc hội đã thống nhất sự cần thiết ban hành Luật Viễn thông (sửa đổi) và bổ sung dự án Luật vào Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2023 tại Nghị quyết số 50/2022/QH15 ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022, trong đó đưa Luật Viễn thông (sửa đổi) vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023 để trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 5 (tháng 5/2023) và trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 6 (tháng 10/2023).

Thực hiện Quyết định số 799/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022 và các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, trong đó

giao Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì soạn thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) trình Chính phủ trước ngày 10 tháng 01 năm 2023.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích xây dựng Luật

- Thể chế hóa đầy đủ, đúng chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước trong hoạt động viễn thông, phát triển hạ tầng viễn thông và các hạ tầng khác tạo nền tảng cho sự phát triển kinh tế số, xã hội số. Huy động các thành phần kinh tế có đủ năng lực tham gia xây dựng phát triển hạ tầng viễn thông và các hạ tầng khác phục vụ cho chuyển đổi số quốc gia;

- Khắc phục những vấn đề vướng mắc về thể chế, những lỗ hổng chính sách, những bất cập trong các quy định của Luật Viễn thông 2009 và các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động viễn thông gây hạn chế quá trình phát triển;

- Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của Luật này với hệ thống pháp luật, phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đơn giản hóa các thủ tục hành chính.

2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng dự án Luật:

- Kế thừa, phát huy và hoàn thiện những quy định, những nội dung phù hợp với thực tiễn đã ổn định, đang phát huy hiệu quả tại Luật Viễn thông 2009 và văn bản quy định chi tiết luật;

- Sửa đổi, bổ sung các quy định còn bất cập, chồng chéo, loại bỏ các quy định không còn phù hợp;

- Thể chế hóa các chủ trương chính sách của Đảng, nội luật hóa các cam kết trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

- Nghiên cứu các xu hướng, kinh nghiệm quốc tế về chính sách liên quan đến hoạt động viễn thông để điều chỉnh kịp thời các vấn đề mới phát sinh từ thực tiễn và có tính dự báo.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

Công tác xây dựng dự án Luật Viễn thông (sửa đổi) thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm:

1. Tổng kết đánh giá thi hành Luật Viễn thông năm 2009;

2. Lập hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Viễn thông sửa đổi, thay thế Luật Viễn thông năm 2009 trình Chính phủ, đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 và Chính phủ đã có Tờ trình số 53/TTr-CP

ngày 28 tháng 02 năm 2022 gửi Quốc hội. Quốc hội đã đồng ý đưa Luật Viễn thông (sửa đổi) vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023 để trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 5 (tháng 5/2023) và trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 6 (tháng 10/2023) tại Nghị quyết số 50/2022/QH15;

3. Bộ Thông tin và Truyền thông đã thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng dự án Luật Viễn thông (sửa đổi) gồm đại diện của Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ (Quyết định số 1765/QĐ-BTTTT ngày 21 tháng 9 năm 2022). Đã tổ chức phiên họp toàn thể Ban soạn thảo và Tổ biên tập và các phiên họp chuyên đề của Tổ biên tập và thường trực Ban soạn thảo, các hội thảo với các bộ, ngành, hiệp hội, doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, xây dựng hồ sơ dự án Luật đầy đủ các báo cáo đánh giá tác động chính sách, tác động thủ tục hành chính, báo cáo lồng ghép các vấn đề bình đẳng giới, báo cáo rà soát các quy định pháp luật có liên quan đến dự án luật;

4. Tổ chức các hoạt động phục vụ xây dựng dự án Luật Viễn thông (sửa đổi) như: nghiên cứu chuyên đề, tọa đàm, hội thảo, tham vấn các chuyên gia trong nước và nước ngoài về các chính sách, nội dung của dự án Luật Viễn thông (sửa đổi), tổ chức học hỏi kinh nghiệm trong nước và nước ngoài;

5. Đăng tải để lấy ý kiến rộng rãi đối với hồ sơ dự án Luật Viễn thông sửa đổi trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định;

6. Lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, các hiệp hội có liên quan và tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý cho Luật Viễn thông (sửa đổi);

7. Gửi Bộ Tư pháp thẩm định (Công văn số /BTTTT-CVT ngày /01/2023). Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số ngày .../.../2023 về việc thẩm định dự án Luật Viễn thông (sửa đổi). Bộ Thông tin và Truyền thông và Ban soạn thảo đã nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp để hoàn thiện dự án Luật Viễn thông (sửa đổi) và các tài liệu kèm theo để trình Chính phủ.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

Dự thảo Luật viễn thông (sửa đổi), gồm 10 chương và 74 điều, cụ thể như sau:

Chương I. Những quy định chung, gồm 12 điều (từ Điều 1 đến Điều 12).

Chương II. Kinh doanh viễn thông, gồm 21 điều (từ Điều 13 đến Điều 33).

Chương III. Viễn thông công ích, gồm 3 điều (từ Điều 34 đến Điều 36).

Chương IV. Cấp giấy phép viễn thông, gồm 9 điều (từ Điều 37 đến Điều 45).

Chương V. Kết nối và chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông, gồm 4 điều (từ Điều 46 đến Điều 49)

Chương VI. Tài nguyên viễn thông, gồm 5 điều (từ Điều 50 đến Điều 54)

Chương VII. Quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng và giá cước viễn thông, gồm 8 điều (từ Điều 55 đến Điều 62)

Chương VIII. Công trình viễn thông, gồm 5 điều (từ Điều 63 đến Điều 67)

Chương IX. Kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây, gồm 5 điều (từ Điều 68 đến Điều 72)

Chương X. Điều khoản thi hành, gồm 02 điều (từ Điều 73 đến Điều 74)

Theo đó, bộ cục dự thảo Luật sửa đổi về cơ bản vẫn kế thừa từ Luật hiện hành nhưng có chỉnh lý, bổ sung cho phù hợp với những nội dung chính sách mới: bổ sung 01 chương về *Kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây*, kết cấu lại chương *Kinh doanh viễn thông* bao gồm các điều khoản của chương *Thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông* và bổ sung thêm điều khoản về *Cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông*. Nội dung dự thảo Luật bám sát mục đích, quan điểm chỉ đạo và cụ thể hóa 04 chính sách đã được thông qua theo Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, đồng thời bổ sung thêm 01 chính sách trong quá trình nghiên cứu xây dựng luật, cụ thể:

1. Những vấn đề chung:

- Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng: Luật cơ bản kế thừa Luật hiện hành nhưng mở rộng, bổ sung phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng thêm các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây;

- Về giải thích từ ngữ: điều chỉnh các thuật ngữ đã có liên quan đến hoạt động viễn thông để phù hợp với xu thế phát triển; bổ sung giải thích các thuật ngữ về "Thẻ trả trước dịch vụ viễn thông di động", "Tài khoản SIM thuê bao di động" để làm cơ sở chuẩn hóa các quy định quản lý nhằm nâng cao hiệu quả và khắc phục những bất cập trong thời gian vừa qua của hoạt động thẻ thanh toán dịch vụ viễn thông. Dự thảo Luật cũng bổ sung giải thích các thuật ngữ liên quan đến hoạt động trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây làm cơ sở xác định nội hàm và quy định quản lý có liên quan;

- Về chính sách của Nhà nước về viễn thông: bổ sung chính sách khuyến

khích, tạo điều kiện phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông mới, thử nghiệm các công nghệ mới, dịch vụ mới nhằm đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số;

- Về vấn đề bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin; bảo đảm bí mật thông tin: xác định rõ trách nhiệm cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an ninh thông tin và bảo đảm bí mật thông tin, bí mật nhà nước. Xác định rõ các loại thông tin riêng của cá nhân được bảo vệ và trách nhiệm doanh nghiệp phải đảm bảo thông tin riêng của người sử dụng, các cơ quan nhà nước chỉ được yêu cầu cung cấp thông tin riêng khi thẩm quyền được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Chính sách kinh doanh viễn thông và điều tiết thị trường bán buôn:

- Về cơ bản, các nội dung chương này vẫn kế thừa các quy định của Luật hiện hành về vấn đề sở hữu trong kinh doanh viễn thông (Nhà nước vẫn nắm cổ phần chi phối trong doanh nghiệp cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng và quy định vấn đề sở hữu chéo trong các doanh nghiệp viễn thông); xác định kinh doanh dịch vụ viễn thông là lĩnh vực kinh doanh có điều kiện, hoàn thiện các quy định đảm bảo sự thống nhất giữa pháp luật về đầu tư và pháp luật về viễn thông trong đầu tư, kinh doanh dịch vụ viễn thông; hình thức, điều kiện và tỷ lệ vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đảm bảo tuân thủ pháp luật hiện hành và các cam kết quốc tế;

- Bổ sung các quy định để đảm bảo thị trường viễn thông bán buôn và bán lẻ đều được quản lý, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp có thể nhanh chóng ra nhập thị trường để phát triển dịch vụ mới; hoàn thiện các quy định về kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, tạo điều kiện để các doanh nghiệp có điều kiện tham gia cung cấp đa dạng các dịch vụ viễn thông, dịch vụ ứng dụng viễn thông và các dịch vụ mới: Bổ sung Điều 19 quy định về cung cấp dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn, bán lẻ, Điều 20, 21 quy định về nghĩa vụ của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn và các doanh nghiệp thống lĩnh thị trường;

- Để đảm bảo việc cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng và hoạt động ổn định của thị trường viễn thông, tăng cường đảm bảo quyền và lợi ích của các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ, dự thảo Luật bổ sung quy định cụ thể tại Điều 28 về ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông trong đó nêu rõ các trường hợp được ngừng kinh doanh và trách nhiệm của các doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường phải đáp ứng các điều kiện, trình tự, thủ tục chặt chẽ.

3. Chính sách hoàn thiện quy định cấp phép viễn thông:

- Để đơn giản hóa các thủ tục hành chính, quy định phù hợp về các điều kiện cấp phép cho từng đối tượng tham gia cung cấp dịch vụ viễn thông, dự thảo Luật bổ sung quy định về hình thức cấp phép tại Điều 39 áp dụng theo 3 hình thức: cấp phép riêng áp dụng cho doanh nghiệp xin cấp phép với các điều kiện về sử dụng tài nguyên viễn thông, thiết lập hạ tầng, phạm vi cung cấp dịch vụ khác nhau theo từng thời điểm cấp phép; cấp phép nhóm là hình thức cấp phép cho các doanh nghiệp cung cấp một số loại dịch vụ chỉ cần đáp ứng các điều kiện cấp phép giống nhau theo quy định; đăng ký là hình thức doanh nghiệp gửi thông tin đăng ký theo mẫu để đăng ký cấp phép;

- Điều 40 dự thảo Luật sửa đổi các quy định về điều kiện cấp giấy phép theo hướng phù hợp, thuận tiện hơn cho doanh nghiệp, sửa đổi quy định cam kết đầu tư trong cấp phép của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông có thiết lập mạng viễn thông theo hướng bao gồm cả cam kết về vốn điều lệ và cam kết triển khai mạng lưới, đảm bảo cấp phép cho đúng đối tượng là các doanh nghiệp có đủ năng lực và phải thực hiện đầu tư để triển khai mạng lưới đúng như giấy phép được cấp.

4. Chính sách về quản lý, phát triển dịch vụ viễn thông vệ tinh:

Điều 26 dự thảo Luật hoàn thiện các quy định về việc cung cấp dịch vụ dịch vụ viễn thông qua biên giới nội luật hóa cam kết quốc tế về thỏa thuận thương mại cũng như làm rõ yêu cầu về đảm bảo an toàn, an ninh quốc phòng khi cung cấp dịch vụ xuyên biên giới cho người sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam:

- Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới tới người sử dụng tại Việt Nam phải thông qua thỏa thuận thương mại với doanh nghiệp viễn thông Việt Nam được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông;

- Doanh nghiệp viễn thông Việt Nam tham gia cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới phải đăng ký thỏa thuận thương mại mẫu trước khi thực hiện ký kết với tổ chức, cá nhân nước ngoài và có trách nhiệm xây dựng phương án kỹ thuật để kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin;

- Giao Chính phủ quy định chi tiết về cung cấp dịch vụ qua biên giới để đảm bảo tính linh hoạt về độ mở của thị trường khi dịch vụ viễn thông vệ tinh đang phát triển nhanh và các đàm phán mở cửa thị trường, chính sách quản lý đang tiếp tục được hoàn thiện.

5. Chính sách về kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây:

- Bổ sung giải thích các thuật ngữ “trung tâm dữ liệu”, “dịch vụ trung tâm

dữ liệu”, “điện toán đám mây”, “dịch vụ điện toán đám mây”, “nhà cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây” để làm rõ các dịch vụ được bổ sung trong luật và phạm vi điều chỉnh của luật này bao gồm cả các tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp dịch vụ xuyên biên giới cho người sử dụng Việt Nam và các doanh nghiệp Việt Nam kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây;

- Bổ sung Chương IX. Kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây: quy định kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, các điều kiện kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây; quy định về trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây trong việc đảm bảo tuân thủ các quy định về lưu trữ, công bố các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chịu trách nhiệm về chất lượng dịch vụ, bảo vệ thông tin cá nhân, quyền lợi của người sử dụng dịch vụ, các vấn đề liên quan đến an toàn an ninh thông tin; quyền và nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ và chính sách khuyến khích đầu tư, phát triển dịch vụ trung tâm dữ liệu.

6. Chính sách về quản lý dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông:

Hiện nay, các dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông (gọi tắt là OTT viễn thông) là các dịch vụ trên Internet cung cấp tính năng tương tự dịch vụ viễn thông như gọi điện thoại, nhắn tin,... được sử dụng ngày càng phổ biến, có khả năng thay thế cho các dịch vụ viễn thông. Trong xu thế đó, một số nước trên thế giới (ví dụ như Châu Âu, Trung Quốc, Hàn Quốc) đã thực hiện quản lý các dịch vụ này trong khung khổ pháp luật về viễn thông. Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và đánh giá tình hình thực tiễn, dự thảo luật đã bổ sung một số quy định liên quan đến dịch vụ này như sau:

- Bổ sung giải thích thuật ngữ “dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông” và phân loại dịch vụ này thuộc loại hình dịch vụ viễn thông.

- Việc quản lý dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông trong dự thảo luật được xây dựng trên nguyên tắc quản lý ở mức độ phù hợp, vừa tạo điều kiện thúc đẩy các dịch vụ này phát triển nhưng có quản lý để bảo vệ quyền lợi người dùng và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, đồng thời tạo môi trường pháp lý bình đẳng, tránh tình trạng bảo hộ ngược giữa doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp nước ngoài cung cấp xuyên biên giới đến người sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam.

7. Hoàn thiện các quy định đã có của Luật hiện hành:

Hoàn thiện các quy định về viễn thông công ích, kết nối và chia sẻ cơ sở hạ

tăng viễn thông, tài nguyên viễn thông, quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng và giá cước viễn thông, công trình viễn thông đảm bảo sự đồng bộ với các luật mới đã được Quốc hội thông qua trong thời gian vừa qua; sửa đổi, bổ sung các quy định về đầu giá tài nguyên viễn thông, các quy định về giá cước viễn thông.

8. Điều khoản thi hành:

- Quy định chuyển tiếp đảm bảo cấp đổi các giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đang có hiệu lực theo quy định mới trong thời gian 06 tháng kể từ ngày Luật có hiệu lực thi hành;

- Quy định chuyển tiếp để các nhà cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây hiện đang kinh doanh, cung cấp dịch vụ cho người sử dụng tại Việt Nam hoàn thiện các điều kiện kinh doanh, cung cấp dịch vụ với cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông.

(Chi tiết các nội dung như dự thảo luật gửi kèm theo).

V. TÍNH THỐNG NHẤT VỚI CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRONG CÙNG LĨNH VỰC VÀ CÁC LĨNH VỰC CÓ LIÊN QUAN

Để bảo đảm tính thống nhất, dự thảo Luật đã được rà soát với các luật khác trong cùng lĩnh vực và các lĩnh vực có liên quan như Luật Công nghệ thông tin, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Tàn số vô tuyến điện, Luật An ninh mạng, Luật Giá, Luật Phí và lệ phí, Luật đấu giá, ...

Trên cơ sở kết quả rà soát, các quy định trong dự thảo Luật đã được xem xét, sửa đổi, bổ sung để phù hợp, tương thích, không mâu thuẫn, chồng chéo với Luật Công nghệ thông tin, Luật An ninh mạng và các văn bản hướng dẫn, dự thảo Luật Giao dịch điện tử sửa đổi để đảm bảo Luật Viễn thông sửa đổi sẽ không bị chồng chéo về mặt phạm vi cũng như đã kế thừa một số quy định trong các Luật này, đồng thời, bổ sung những quy định liên quan cần thiết phù hợp thực tế phát triển mà các Luật này còn thiếu. Hoặc rà soát với các luật khác liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công... để đảm bảo các quy định trong Luật Viễn thông sửa đổi được đồng bộ, tuân thủ quy định hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam;

Kết quả rà soát pháp luật được thể hiện cụ thể trong *Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật (gửi kèm theo Tờ trình)*.

VI. TÍNH TƯƠNG THÍCH VỚI CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN

Để bảo đảm không mâu thuẫn, trái với các điều ước, cam kết, hiệp định quốc

tế mà Việt Nam đã ký kết, dự thảo Luật Viễn thông sửa đổi đã được rà soát về tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan. Tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam đã và đang tham gia nhiều điều ước quốc tế, hiệp định thương mại tự do, trong đó có nội dung liên quan đến hoạt động viễn thông được quy định trong các cam kết như:

- Hiệp định thành lập Tổ chức thương mại thế giới (WTO);
- Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP);
- Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu (EVFTA);
- Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện ASEAN – Nhật Bản (AJCEP);
- Hiệp định Thương mại tự do ASEAN - Ấn Độ (AIFTA);
- Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA);
- Hiệp định Thương mại tự do ASEAN – Úc và Niu Di-lân (AANZFTA);
- Hiệp định Thương mại tự do song phương giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á – Âu (VN – EAEUFTA);
- Hiệp định Thương mại tự do ASEAN và Hồng Kông (Trung Quốc);
- Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Vương quốc Anh (UKVFTA);
- Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (Hiệp định RCEP);

Trên cơ sở kết quả rà soát, các quy định trong dự thảo Luật đã được xem xét, sửa đổi, bổ sung để phù hợp, tương thích, không mâu thuẫn, chồng chéo với các điều ước quốc tế. Nội dung dự thảo Luật Viễn thông sửa đổi hiện hoàn toàn tương thích với tất cả các điều ước quốc tế, hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam tham gia nói trên và các nội dung cam kết liên quan đến lĩnh vực viễn thông đã được nội luật hóa trong dự thảo luật sửa đổi cũng như các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật.

VII. VIỆC LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ ÁN LUẬT

Thực hiện Luật Bình đẳng giới, các quy định liên quan đến lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Thông tin và Truyền thông đã thành lập Ban Soạn thảo, Tổ Biên tập với sự tham gia của cả nam và nữ, tất cả các thành viên đều có nhận thức đúng đắn về vai trò của phụ nữ trong đời sống xã hội, cân nhắc câu chữ và quán triệt trong quá trình soạn thảo về vấn đề bình đẳng giới;

Trong quá trình triển khai xây dựng dự án Luật, cơ quan chủ trì cũng như

Ban soạn thảo đã thực hiện đúng quy trình, thủ tục lồng ghép vấn đề bình đẳng giới và các quy định trong Luật Bình đẳng giới. Dự án Luật được xây dựng trên cơ sở thực hiện nguyên tắc bình đẳng nam, nữ và không phân biệt đối xử về giới, có lồng ghép một số chính sách nhằm cụ thể hóa và đảm bảo quyền con người theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013.

VIII. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM VỀ NGUỒN NHÂN LỰC, TÀI CHÍNH ĐỂ THI HÀNH LUẬT SAU KHI ĐƯỢC QUỐC HỘI BAN HÀNH

Sau khi dự thảo Luật được Quốc hội thông qua sẽ có một số các hoạt động chủ yếu gồm: xây dựng các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật (bao gồm cả sửa đổi, bổ sung các văn bản hiện hành), các hoạt động tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật (in ấn tài liệu phổ biến, đăng bài trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức hội thảo, tập huấn để phổ biến những nội dung mới của Luật...); triển khai thi hành Luật và theo dõi, sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình thực thi Luật theo thời gian định kỳ hoặc đột xuất; đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ thực thi. Chi phí cho các hoạt động trên sẽ được dự toán chi từ nguồn ngân sách nhà nước, đồng thời, huy động sự tham gia, đóng góp từ các đối tượng khác (các nhà tài trợ, các dự án hỗ trợ kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế,...);

Với điều kiện thực tế hiện nay về tài chính, cơ sở vật chất, công nghệ, nguồn nhân lực, các cơ quan quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương có đủ nguồn lực, điều kiện cơ bản cho việc thi hành Luật sau khi được Quốc hội thông qua.

IX. TIẾP THU Ý KIẾN ĐÓNG GÓP, Ý KIẾN THẨM ĐỊNH VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU

1. Tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý

Bộ Thông tin và Truyền thông đã nhận được 97 văn bản đóng góp ý kiến với 760 ý kiến cụ thể cho dự thảo Luật của các Bộ, cơ quan Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), các hội, hiệp hội, các tổ chức quốc tế và các doanh nghiệp liên quan. Tất cả các ý kiến đóng góp đều đã được Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu nghiêm túc để tiếp thu, giải trình và điều chỉnh, hoàn thiện nội dung dự thảo Luật và các báo cáo kèm theo;

Báo cáo tổng hợp giải trình tiếp thu ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước được gửi kèm theo Tờ trình này.

2. Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

Bộ Thông tin và Truyền thông đã nhận được Báo cáo thẩm định số ... ngày

... tháng ... năm 2022 của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Luật Viễn thông sửa đổi. Bộ Thông tin và Truyền thông đã nghiêm túc nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và điều chỉnh, hoàn thiện nội dung dự thảo Luật theo ý kiến thẩm định;

Bản tổng hợp giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp được gửi kèm theo Tờ trình này.

3. Vấn đề còn ý kiến khác nhau

X. KIẾN NGHỊ

Trên đây là Tờ trình về dự án Luật Viễn thông (sửa đổi), Bộ Thông tin và Truyền thông kính trình Chính phủ xem xét, quyết định;

Xin gửi kèm theo Tờ trình này: (1) Dự thảo Luật; (2) Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của Luật; (3) Báo cáo thẩm định và Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; (4) Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo Luật; (5) Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế; (6) Báo cáo về việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới; (7) Báo cáo nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Ủy ban KHCNMT của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Phạm Đức Long;
- Lưu: VT, QLDN, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Đức Long